

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương D, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 038190015026 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021.

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là: Xóm C, xã P, tỉnh Ninh Bình).

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là: thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hóa).

Bị đơn: Anh Vũ Anh T, sinh năm 1987.

Căn cước công dân số: 037087000718 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021.

Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là: xóm C, xã P, tỉnh Ninh Bình).

(Tại phiên tòa chị D vắng mặt đã có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2025, Bản tự khai ngày 12/6/2025 nguyên đơn chị Nguyễn Phương D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ A1 T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa) ngày 29/7/2013 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng bố mẹ anh T tại xóm C, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là: xóm C, xã P, tỉnh Ninh Bình). Từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị là do anh T không tu chí làm ăn để chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Đến năm 2023, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là: thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hóa) sinh sống. Từ do anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Phương D xác định chị và anh Vũ Anh T có 03 con chung là các cháu Vũ Lâm A, sinh ngày 14/02/2014; Vũ Tùng A1, sinh ngày 22/3/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 07/9/2022. Hiện cả 03 cháu Lâm A, Tùng A1, Bảo L đều đang ở với anh T. Riêng cháu Bảo L trước cháu vẫn ở cùng chị nhưng anh T mới đón về ở cùng anh T từ ngày 01/6/2025. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Lâm A, Tùng A1, Bảo L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Phương D không yêu cầu anh Vũ Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị xử vắng mặt ngày 22/9/2025, chị Nguyễn Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Anh T. Về con chung: chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung là các cháu Vũ Lâm A, sinh ngày 14/02/2014; Vũ Tùng A1, sinh ngày 22/3/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 07/9/2022. Hiện cả 03 cháu Lâm A, Tùng A1, Bảo L đều đang ở với anh T. Chị Nguyễn Phương D không yêu cầu

anh Vũ Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2025 anh Vũ Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Anh T xác định thời điểm đăng ký kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng cũng như diễn biến quan hệ hôn nhân gia đình anh đúng như chị D đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, anh T xác định nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh là do chị D không thích ở quê chồng nên dẫn tới việc vợ chồng không thống nhất được nơi ở chung. Đến năm 2023, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị D làm đơn xin ly hôn anh, anh T cũng nhất trí vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung: Anh Vũ Anh T xác định anh và chị Nguyễn Phương D có 03 con chung là các cháu Vũ Lâm A, sinh ngày 14/02/2014; Vũ Tùng A1, sinh ngày 22/3/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 07/9/2022. Hiện cả 03 cháu Lâm A, Tùng A1, Bảo L đều đang ở với anh T. Riêng cháu Bảo L trước cháu vẫn ở cùng chị D nhưng anh T mới đón về ở cùng anh T từ tháng 6/2025. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu Lâm A, Tùng A1, Bảo L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Anh T không yêu cầu chị Nguyễn Phương D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh vì anh T có đi làm tại cơ sở sản xuất tương ớt K ở xóm C, xã P, tỉnh Ninh Bình với mức lương là 9.000.000đ/tháng đủ điều kiện để nuôi cả 03 cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Vũ Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Ý kiến của cháu Vũ Lâm A: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu là con gái cháu muốn ở với mẹ để mẹ bảo ban, chăm sóc cháu.

Ý kiến của cháu Vũ Tùng A1: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình) đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định. Do bị đơn anh Vũ A1 T không đến tham gia phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là: xã P, tỉnh Ninh Bình) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình) thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đảm bảo về hình thức, nội dung.

- Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương D. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Phương D và anh Vũ Anh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Vũ Lâm A, sinh ngày 14/02/2014 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 07/9/2022 cho chị Nguyễn Phương D; Giao cháu Vũ Tùng A1, sinh ngày 22/3/2017 cho anh Vũ A1 Tuân trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Lâm A, Bảo L1, Tùng A1 đủ 18 tuổi. Hiện 03 cháu đều đang ở với anh T. Chị Nguyễn Phương D và anh Vũ A1 T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Phương D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là: xã P, tỉnh Ninh Bình) nên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình) thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của chị Nguyễn Phương D, anh Vũ Anh T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Nho Quan (nay là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình) đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Phương D, anh Vũ Anh T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D, anh T của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là: Tòa án nhân dân khu vực 3 - Ninh Bình) là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xử vắng; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh T.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Phương D và anh Vũ A1 Tuấn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa) ngày 29/7/2013 trên cơ sở tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng chị D, anh T hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Từ năm 2023, chị D đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là: thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hóa) sinh sống. Từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng

không còn và không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, Tòa án thông báo hòa giải anh T cũng không tới tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh T không có thiện trí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị D, anh T chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Phương D và anh Vũ A1 T đều xác định anh chị có 03 con chung là các cháu Vũ Lâm A, sinh ngày 14/02/2014; Vũ Tùng A1, sinh ngày 22/3/2017 và cháu Vũ Bảo L, sinh ngày 07/9/2022. Hiện cả 03 cháu L, Tùng A1, Bảo L đang ở với anh T. Nếu ly hôn, chị D, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D, anh T đều khỏe mạnh, có thu nhập ổn định từ việc đi làm công nhân với mức thu nhập mỗi tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ. Quá trình sinh sống tại địa phương chị D, anh T không ai vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Hai cháu Lâm A, Tùng A1 đều có nguyện vọng ở với mẹ. Tuy nhiên, xét cháu Lâm A là con gái đang tuổi trưởng thành rất cần có mẹ ở bên để dạy bảo; cháu Bảo L tính đến thời điểm xét xử cháu mới 36 tháng 19 ngày tuổi, còn nhỏ cần có mẹ ở bên để chăm sóc. Mặt khác, cháu Bảo L trước đây ở với chị D, cháu mới được anh T đón về từ 01/6/2025. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu cần giao 02 cháu Lâm A, Bảo L cho chị Nguyễn Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Tùng A1 cho anh Vũ A1 Tuấn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Phương D, anh Vũ Anh T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc chị D, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Phương D, anh Vũ Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các Điều 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương D được ly hôn anh Vũ Anh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Phương D và anh Vũ Anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao 02 cháu Vũ Lâm A, sinh ngày 14/02/2014 và Vũ Bảo L, sinh ngày 07/9/2022 hiện đang ở với anh Vũ Anh T cho chị Nguyễn Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi 02 cháu Lâm A, Bảo L đủ 18 tuổi.

Giao cháu Vũ Tùng A1, sinh ngày 22/3/2017 hiện đang ở với anh T cho anh Vũ A1 Tuấn trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu Tùng A1 đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Phương D, anh Vũ A1 T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Phương D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001106 ngày 10/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (nay là: Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Ninh Bình).

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Phương D, anh Vũ Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 3 - Ninh Bình;
- UBND xã Thành Vinh, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng